TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày: 06-01-2025
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Thắm
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trương Công Minh
Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chưởng - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 06 tháng 01 n ăm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 763/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 555/2024/QĐXXST-DS, ngày 17/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955 (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
- Bị đơn: Bà Từ Ngọc D, sinh năm 1993 (xin vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI D VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày:

Bị đơn bà Từ Ngọc D có hỏi vay tiền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L tổng số tiền 39.000.000 đồng (ba mươi chín triệu đồng). Cụ thể: Theo Biên nhận nợ ngày 10/12/2021 âm lịch, tương đương ngày 02/3/2022 dương lịch, bị đơn vay số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và Biên nhận nợ ngày 02/3/2022 âm lịch, bị đơn vay số tiền là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng). Hiện bị đơn chưa trả cho nguyên đơn số tiền 39.000.000 đồng trên.

Việc vay tiền nói trên chỉ do cá nhân nguyên đơn và bị đơn thực hiện, không liên quan đến ai khác. Hiện nguyên đơn không có chồng.

Do đó, nay nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu một minh bị đơn bà Từ Ngọc D trả cho nguyên đơn tổng số tiền vốn vay còn thiếu là 39.000.000 đồng (ba mươi chín triệu đồng). Rút lại yêu cầu về phần lãi suất.

Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Từ Ngọc D tự khai:

Từ năm 2019, bà Từ Ngọc D có hỏi vay tiền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L nhiều lần, lãi suất 10%/tháng. Sau khi vay bị đơn đã thanh toán lãi đầy đủ cho nguyên đơn, tuy nhiên không có giấy tờ thể hiện.

Đến thời gian dịch bệnh Covid, bị đơn không làm ra tiền nên không có khả năng thanh toán nợ cho nguyên đơn. Đến ngày 10/12/2021 âm lịch, tương đương ngày 02/3/2022 dương lịch, bị đơn có làm Giấy hỏi nợ, ký tên vào giấy có nội D: Bị đơn có nhờ dì 5 L hỏi giùm số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Vào ngày 02/3/2022 âm lịch, bị đơn có làm Giấy hỏi nợ, ký tên vào giấy có nội dung: Bị đơn có hỏi số tiền của dì 5 L là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng). Hiện bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 14.000.000 đồng này rồi, tuy nhiên không có giấy tờ thể hiện hoặc người làm chứng.

Việc vay tiền là do cá nhân của bị đơn vay nguyên đơn, không có liên quan đến ai khác. Thời điểm vay tiền của nguyên đơn thì bị đơn đang sống độc thân.

Bị đơn thừa nhận 02 Giấy hỏi nợ ngày 10/12/2021 âm lịch và ngày 02/3/2022 âm lịch là do bị đơn viết và ký tên vào Giấy hỏi nợ nói trên.

Do bận việc, con còn nhỏ nên bà D yêu cầu Tòa án không hòa giải công khai chứng cứ; yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Từ Ngọc D xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn bà Từ Ngọc D xác định: Theo Biên nhận nợ ngày 10/12/2021 âm lịch, tương đương ngày 02/3/2022 dương lịch, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và theo Biên nhận nợ ngày 02/3/2022 âm lịch, bị đơn vay số tiền là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng). Tổng số tiền bị đơn vay của nguyên đơn là 39.000.000 đồng.

[3] Nguyên đơn xác định hiện bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền 39.000.000 đồng, nên yêu cầu bị đơn thanh thanh toán cho nguyên đơn số tiền trên.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 10/12/2021 âm lịch, tương đương ngày 02/3/2022 dương lịch và ngày 02/3/2022 âm lịch, bị đơn có vay của nguyên đơn 02 lần với số tiền 39.000.000 đồng là có thực tế xảy ra.

[5] Nguyên đơn xác định đến thời điểm hiện tại bị đơn bà Từ Ngọc D chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền trên, nên yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền cho nguyên đơn. Đối với bị đơn cho rằng đã thanh toán xong nợ cho nguyên đơn, tuy nhiên không có chứng cứ chứng minh và không được nguyên đơn thừa nhận. Tại phiên toà, nguyên đơn xác định yêu cầu bà D trả cho nguyên đơn tổng số tiền vốn vay còn thiếu là 39.000.000 đồng. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[6] Nguyên đơn rút yêu cầu về phần lãi suất. Hội đồng xét xử thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất là do nguyên đơn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, nên được chấp nhận và đình chỉ.

[7] Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 217, 218, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên bà Nguyễn Thị L về việc buộc bị đơn bà Từ Ngọc D trả cho nguyên đơn tổng số tiền vốn vay còn thiếu là 39.000.000 đồng (ba mươi chín triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi suất cho nguyên đơn.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền nói trên, thì còn phải bàu khoản lãi phát sinh theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải nộp 1.950.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thắm